



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
FAC AUDITING CO., LTD

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ
DỊCH VỤ DẦU KHÍ VĨNG TÀU



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	5 - 6
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
4.1 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 10
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	11
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	12 - 13
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	14 - 32

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được soát xét.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (tên giao dịch là Vung Tau Petroleum Trading and Services Joint Stock Company) tiền thân là Chi nhánh Công ty Thương mại và Dịch vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 5335/QĐ.UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4903000272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2006. Trong quá trình hoạt động, Công ty đăng ký thay đổi đăng ký kinh doanh và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số Giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 1	4903000272	20/7/2007
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2	3500755050	30/9/2008
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 3	3500755050	26/5/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4	3500755050	01/08/2011

Vốn điều lệ của Công ty từ khi thành lập là 14 tỷ đồng, tăng lên 64 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 1 và tăng lên 96 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đăng ký thay đổi lần thứ 2.

Ngày 15 tháng 9 năm 2009, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký niên yết cổ phiếu số 49/GCN-SGDHN - Mã chứng khoán là: VMG. Cổ phiếu VMG chính thức giao dịch ngày 30 tháng 9 năm 2009;

Ngày 25 tháng 7 năm 2011, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Thông báo số 546/TB - SGDHN, thông báo chính thức đưa cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (VMG) vào diện ngừng giao dịch kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2011.

Ngày 26 tháng 7 năm 2012, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Thông báo số 261/QĐ-SGDHN về việc hủy niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu (VMG) do không có giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trong thời hạn 12 tháng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại : (064) 3 512 572 Fax : (064) 3 512 571

Mã số thuế : 3 5 0 0 7 5 5 0 5 0

Các đơn vị trực thuộc Công ty

► Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 110A Hoàng Hoa Thám, Phường 7, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 3515 3420

Fax: (08) 3841 0152

► Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: Ấp Lồ Ô, xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3 579 025

Fax: (0650) 3 579 026

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 số 3500755050 ngày 01 tháng 8 năm 2011 bao gồm: Sản xuất thực phẩm; Chế biến nông, lâm hải sản xuất khẩu; Kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng, công nghệ thực phẩm; Kinh doanh nguyên vật liệu phục vụ ngành in; Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật đo lường và kiểm tra các thiết bị dầu khí và chiết nạp gas; Dịch vụ kỹ thuật và cung ứng vật tư, hóa phẩm, thiết bị phụ tùng, thực phẩm và vật dụng khác cho các công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; Tổ chức sửa chữa chống ăn mòn giàn khoan biển và phương tiện nổi dầu khí; Kinh doanh các dịch vụ khách sạn và du lịch; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh và chiết nạp các sản phẩm khí hóa lỏng (LPG); Kinh doanh xăng dầu; Kinh doanh máy móc thiết bị phục vụ xây dựng; Kinh doanh đồ điện gia dụng; Kinh doanh sắt thép, ống thép, thép phôi, sắt thép xây dựng; Kinh doanh bất động sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày từ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Tân Hoa	Chủ tịch	14/7/2011	29/6/2012
Ông Nguyễn Quang Ninh	Chủ tịch	29/6/2012	
Ông Nguyễn Quang Ninh	Phó Chủ tịch	14/7/2011	
Ông Lê Quý Bình	Thành viên	28/6/2011	
Bà Đặng Thị Ngọc Chi	Thành viên	28/6/2011	
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên	28/6/2011	
Ông Nguyễn Chấn Cường	Thành viên	29/6/2012	

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị My	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bùi Tịnh Thanh	Thành viên
Ông Huỳnh Sơn Tùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Quang Ninh	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trần Hồng Quân	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Quang Ninh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ VŨNG TÀU

Số 52 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Nguyễn Quang Ninh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 22 tháng 8 năm 2012

Số : 135/2012/BCTC-FAC

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu

Kính gửi : **Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2012, từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

- Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chưa dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Nếu dự phòng được trích đủ theo quy định thì số dự phòng phải trích thêm là 3.300.883.184 đồng, khi đó tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cho giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.
- Như trình bày tại thuyết minh số IV.8 và IV.20, số dư tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản thừa chờ giải quyết trên Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt là 1.899.611.360 đồng và 9.566.508 đồng (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương ứng là 1.974.368.375 đồng và 262.453.891 đồng), đây là các khoản chênh lệch thiếu, thừa kiểm kê gas lũy kế từ các năm đến nay chưa giải quyết. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chưa dự phòng tổn thất trong việc xử lý các tài sản thiếu, thừa nêu trên.
- Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chưa ghi nhận chi phí lãi vay ngắn hạn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á trong năm 2011 và giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền ước tính lần lượt là 660.891.666 đồng và 2.132.600.000 đồng. Nếu ghi nhận số tiền lãi vay phải trả trên đây thì tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 2.132.600.000 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm 2.793.491.666 đồng và nợ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tăng lên tương ứng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2012, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm 660.891.666 đồng và nợ phải trả tăng lên tương ứng).
- Như trình bày tại thuyết minh IV.11, Quyền sử dụng đất của kho Bền Cát, là tài sản cố định vô hình của Công ty, do ông Lê Quý Bình, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đứng tên, nguyên giá và giá trị còn lại của quyền sử dụng đất này tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012 lần lượt là 3.704.694.000 đồng và 3.295.672.362 đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của cả các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (tiếp theo)

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo các vấn đề sau:

- Như được trình bày tại thuyết minh II.1, trong giai đoạn sáu tháng đầu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, hoạt động sản xuất kinh doanh và doanh thu giảm sút đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2012, tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt với số tiền là 8.214.709.372 đồng và 14.551.368.571 đồng, trong đó nợ quá hạn của ngân hàng là 13.885.000.000 đồng (chưa bao gồm lãi 2.794.562.292 đồng). Vấn đề này ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục.
- Như được trình bày tại thuyết minh số IV.9 và thuyết minh IV.11, ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có quyết định số 393/QĐ-UBND về việc thu hồi lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là căn nhà tại số 54 Lý Thường Kiệt, Phường 1, thành phố Vũng Tàu để chuyển trả cho chủ sở hữu trước đây. Trong quyết định này, Công ty chỉ được nhận lại 30.287.631 đồng, là phần giá trị còn lại của căn nhà do Công ty đứng ra xây dựng thêm sau này. Căn nhà này có nguyên giá 490.110.000 đồng và giá trị quyền sử dụng đất là 932.560.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị còn lại theo sổ sách của căn nhà và quyền sử dụng đất lần lượt là 218.138.581 đồng và 932.560.000 đồng. Ngày 20 tháng 3 năm 2012, Công ty đã văn bản gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để khiếu nại về quyết định thu hồi này nhưng chưa được giải quyết.



Hoàng Lam - Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0701/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0098/KTV



Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		19.293.000.605	32.843.597.670
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	1.317.277.262	1.796.886.494
1. Tiền	111		1.317.277.262	1.796.886.494
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.185.008.992	24.346.743.187
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 2	43.435.260.910	48.300.401.066
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 3	1.570.558.926	1.479.766.235
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 4	3.833.101.589	6.345.805.770
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	IV. 5	(37.653.912.433)	(31.779.229.884)
IV. Hàng tồn kho	140		3.351.093.511	3.058.633.057
1. Hàng tồn kho	141	IV. 6	3.351.093.511	3.058.633.057
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.439.620.840	3.641.334.932
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV. 7	1.021.757.865	998.783.308
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		205.644.621	259.160.154
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		41.169.102	41.169.102
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 8	2.171.049.252	2.342.222.368

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.381.987.756	111.469.584.178
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.277.721.122	52.853.427.290
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 9	31.731.036.319	32.028.568.579
<i>Nguyên giá</i>	222		46.079.261.809	45.037.317.526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.348.225.490)	(13.008.748.947)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	IV. 10	14.835.270.955	15.035.297.077
<i>Nguyên giá</i>	225		16.002.090.000	16.002.090.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.166.819.045)	(966.792.923)
3. Tài sản cố định vô hình	227	IV. 11	5.711.413.848	5.789.561.634
<i>Nguyên giá</i>	228		6.393.226.556	6.393.226.556
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(681.812.708)	(603.664.922)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		55.104.266.634	58.616.156.888
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 12	54.194.532.244	57.706.301.498
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	IV. 13	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	IV. 14	909.734.390	909.855.390
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.674.988.361	144.313.181.848

